

KHU HỆ CÁ SUỐI Ở VÙNG HƯƠNG SƠN, MỸ ĐỨC - HÀ NỘI

NGUYỄN ĐÌNH TẠO

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Thắng cảnh Hương Sơn hay còn gọi Chùa Hương (thuộc huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội), là một địa danh khá gần gũi với đại đa số người dân Việt Nam, với rừng đặc dụng Hương Sơn, hệ thống các miếu, đền, chùa và lễ hội. Thắng cảnh Hương Sơn nằm trọn trong khu vực xã Hương Sơn với tổng diện tích khoảng 800 ha, trong đó nằm trong khu vực này có 3 suối là: Suối Yên, suối Long Vân và suối Tuyết Sơn. Ngoài ra, ven các suối này còn có nhiều ao, đầm, ruộng canh tác nuôi thả cá và các lạch nước nhỏ từ trong khe núi chảy ra. Suối Yên có chiều dài 4 km, độ rộng trung bình 40-50m. Nối liền với suối Yên là nhánh suối Long Vân dài 3km rộng trung bình 20-30m. Suối Tuyết Sơn dài 2 km, rộng trung bình 10-15m. Ba hệ thống suối này lấy nguồn nước Karso cung cấp tạo ra dòng chảy quanh năm. Về mùa mưa, nước mưa từ trên núi và các vùng trong lưu vực chảy về suối Long Vân, suối Tuyết Sơn sau đó thoát vào suối Yên chảy về cống điều tiết gần cầu Đục Khê rồi thoát ra sông Đáy. Khi mực nước trong khu vực suối Yên thấp hơn mực nước lũ sông Đáy, cống điều tiết đóng lại, nước mưa theo suối tự nhiên chảy về phía Đông Nam thoát ra sông Đáy qua ống xả Giáp Bạt - Kim Sơn và một phần thoát về trạm bơm tiêu phía Đông Bắc.

Cho đến nay, mới chỉ có công trình nghiên cứu và báo cáo kết quả về khu hệ thực vật rừng đặc dụng Hương Sơn (2007), khu hệ động vật ở cận vùng Hương Sơn (2006). Bài báo này thông báo kết quả điều tra khảo sát khu hệ cá tại các suối thuộc khu thắng cảnh Hương Sơn. Đây cũng là dẫn liệu đầu tiên về khu hệ cá các suối của vùng Hương Sơn được công bố.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm nghiên cứu

Toàn bộ các suối thuộc khu di tích thắng cảnh Hương Sơn, trong đó có 3 suối chính là suối Yên, suối Long Vân, suối Tuyết Sơn, các khe suối, ao, đầm, ruộng canh tác nằm ven các suối quanh khu vực (Hình 1). Thời gian thu mẫu: tháng 8 năm 2010.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm khảo sát, nghiên cứu
Chú thích: (1): Suối Yên, (2): Suối Long Vân, (3): Suối Tuyết Sơn

2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành đánh bắt trực tiếp bằng vợt chuyên dụng và lưới. Thu mua và sưu tầm mẫu cá từ các ngư dân đánh bắt trực tiếp ở các suối bằng các dụng cụ câu, vó, đánh lưới, giò, thuê ngư dân đánh bắt trực tiếp và thu mua mẫu tại chợ cá Yên Vỹ.

Bên cạnh việc thu mẫu còn tiến hành phỏng vấn điều tra các ngư dân tại địa phương về tình trạng, nơi phân bố và độ thường gặp của một số loài. Mẫu được tạo hình, chụp ảnh và cố định bằng Formalin 10%, được phân tích và lưu giữ tại Phòng Sinh thái Môi trường nước, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Tài liệu dùng cho định loại chủ yếu dựa theo tài liệu của các tác giả: Mai Đình Yên, (1978; 1992), Rainboth (1996), Kottelat, (2001), Nguyễn Văn Hào, (2001; 2005), www.fishbase.org.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Tính đa dạng các loài cá

Tổng số cá được ghi nhận trong khu hệ là 47 loài, thuộc 7 bộ, 17 họ, 40 giống (Bảng 1). Trong đó 38 loài thu được mẫu, 2 loài ghi nhận trong phỏng vấn, 7 loài cá phổ biến được quan sát và chụp ảnh.

Bảng 1

Danh sách thành phần loài khu hệ cá vùng Hương Sơn, Hà Nội

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	1	2	3	4
	I. CLUPEIFORMES	BỘ CÁ TRÍCH				
	1. Engraulidae	Họ Cá trích				
1.	<i>Coilia grayii</i> Richardson, 1844	Cá lình canh			x	M
	II. CYPRINIFORMES	BỘ CÁ CHÉP				
	2. Cyprinidae	Họ Cá chép				
2.	<i>Rasbora steineri</i> Nichols & Pope, 1927	Cá mại sọc	x	x	x	M
3.	<i>Mylopharyngodon piceus</i> (Richardson, 1846)	Cá trắm đen	x	x	x	QS,K
4.	<i>Ctenopharyodon idellus</i> (Valenciennes, 1844)	Cá trắm cỏ	x	x	x	QS,K
5.	<i>Squaliobarbus curiculus</i> (Richardson, 1846)	Cá chày mắt đỏ	x			PV
6.	<i>Pseudolaubuca siensis</i> Bleeker, 1859	Cá thiên hồ sông	x	x		M
7.	<i>Hemiculter leucisculus</i> (Basilewsky, 1855)	Cá mương	x	x	x	M
8.	<i>Cultrichthys erythropterus</i> (Basilewsky, 1855)	Cá thiếu	x	x	x	M
9.	<i>Toxabramis houdmeri</i> Pellegrin, 1932	Cá dầu hồ cao	x	x	x	M
10.	<i>Pseudohemiculter dispar</i> (Peters, 1880)	Cá dầu sông mỏng	x	x	x	M
11.	<i>Rasborinus lineatus</i> (Pellegrin, 1907)	Cá mại bầu	x	x	x	M
12.	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i> (Valenciennes, 1844)	Cá mè trung quốc	x		x	QS,K
13.	<i>Aristichthys nobilis</i> (Richardson, 1844)	Cá mè hoa	x		x	QS,K
14.	<i>Acheilognathus tonkinensis</i> (Vaillant, 1892)	Cá thè be thường	x	x	x	M
15.	<i>Acheilognathus macropterus</i> (Bleeker, 1871)	Cá thè be vây dài	x	x	x	M
16.	<i>Puntius ocellatus</i> Yen, 1978	Cá đòng chấm	x	x	x	M
17.	<i>Capoeta semifasciolata</i> (Gunther, 1868)	Cá đòng đòng	x	x	x	M

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	1	2	3	4
18.	<i>Labeo rohita</i> (Hamilton, 1822)	Cá rohu	x	x	x	QS,K
19.	<i>Cirrhinus mrigala</i> (Hamilton, 1822)	Cá digan	x	x	x	QS,K
20.	<i>Osteochilus salsburyi</i> Nichols & Pope, 1927	Cá dầm đất	x	x		M
21.	<i>Carassius auratus auratus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá diếc	x	x	x	M,K
22.	<i>Carassoides cantonensis</i> (Heincke, 1892)	Cá rung	x			M
23.	<i>Cyprinus rubrofuscus</i> Lacepede, 1803	Cá chép	x	x	x	M,K
24.	<i>Cyprinus carpio</i> Linnaeus, 1758	Cá chép nhập nội	x	x	x	M,K
	3. Balitoridae	Họ Cá chạch vây bằng				
25.	<i>Schistura</i> sp.	Cá chạch suối	x	x		
	III. CHARACIFORMES	BỘ CÁ HỒNG NHUNG				
	4. Characidae	Họ Cá hồng nhung				
26.	<i>Colossoma branchyomum</i> (Cuvier, 1818)	Cá chim trắng	x	x	x	QS,K
	IV. SILURIFORMES	BỘ CÁ NHEO				
	5. Bagridae	Họ Cá lăng				
27.	<i>Pelteobagrus fulvidraco</i> (Richardson, 1846)	Cá bò	x	x		M
	6. Siluridae	Họ Cá nheo				
28.	<i>Silurus asotus</i> Linnaeus, 1758	Cá nheo	x	x	x	M
29.	<i>Pterocryptis cochinchinensis</i> (Valenciennes, 1839)	Cá thèo	x	x		M
	7. Clariidae	Họ Cá trê				
30.	<i>Clarias fuscus</i> (Lacepede, 1803)	Cá trê	x	x	x	M
	8. Loricariidae	Họ Cá tỳ bà				
31.	<i>Hypostomus punctatus</i> Valenciennes, 1840	Cá dọn bể, cá cọ bể	x	x	x	M,C
	V. BELONIFORMES	BỘ CÁ NHÁI				
	9. Adrianichthyidae	Họ Cá sóc				
32.	<i>Oryzias latipes</i> (Temminck & Schlegel, 1846)	Cá tép, cá sóc	x	x	x	M
33.	<i>Oryzias sinensis</i> (Chen, Uwa & Chu, 1969)	Cá tép	x	x	x	M
	VI. SYNBRANCHIFORMES	BỘ MANG LIỀN				
	10. Synbranchidae	Họ Lươn				
34.	<i>Monopterus albus</i> (Zuiew, 1793)	Lươn	x	x	x	M,K
	11. Mastacembeloidae	Họ Cá chạch sông				
35.	<i>Mastacembelus armatus</i> (Lacepede, 1800)	Cá chạch sông	x	x	x	M
36.	<i>Sinobdella siensis</i> (Bleeker, 1870)	Cá chạch gai	x			PV
	VII. PERCIFORMES	BỘ CÁ VƯỢC				
	12. Cichlidae	Họ Cá rô phi				
37.	<i>Oreochromis mossambicus</i> (Peters, 1852)	Cá rô phi đen	x	x	x	M,
38.	<i>Oreochromis niloticus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá rô phi vàng	x	x	x	M,K
	13. Eleotridae	Họ Cá bóng đen				
39.	<i>Eleotric fusca</i> (Forster & Scheider, 1801)	Cá bóng đen tối	x	x	x	M
	14. Gobiidae	Họ Cá bóng trắng				
40.	<i>Glossogobius giuris</i> (Hamilton, 1822)	Cá bóng cát	x	x	x	M

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	1	2	3	4
	15. Anabantidae	Họ Cá rô				
41.	<i>Anabas testudineus</i> (Bloch, 1792)	Cá rô đồng	x	x	x	M,K
	16. Belontiidae	Họ Cá sặc				
42.	<i>Macropodus opercularis</i> (Linnaeus, 1788)	Cá đuôi cờ thường	x	x	x	M,C
43.	<i>Trichogaster trichopterus</i> (Pallas, 1770)	Cá sặc bướm	x	x	x	M,C
44.	<i>Trichogaster microlepis</i> (Gunther, 1861)	Cá sặc diệp	x	x	x	M
	Channoidei	Phân bộ cá quả				
	17. Channidae	Họ Cá quả				
45.	<i>Channa asiatica</i> (Linnaeus, 1758)	Cá chèo đoi	x	x		M,K
46.	<i>Channa maculata</i> (Lacepede, 1802)	Cá chuối hoa, cá xộp	x			M
47.	<i>Channa striata</i> (Bloch, 1831)	Cá lóc, cá quả	x	x	x	M,K
	Tổng		46	40	37	

Ghi chú: (1): Suối Yên, (2): Suối Long Vân, (3): Suối Tuyết Sơn. M: Mẫu vật, QS: Quan sát, PV: Phồng vẩn, K: Loài kinh tế, C: Loài làm cảnh.

Cấu trúc thành phần loài trong khu hệ cá vùng Hương Sơn- Hà Nội được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2

Cấu trúc thành phần loài trong khu hệ cá vùng Hương Sơn - Hà Nội

TT	Tên bộ	Họ		Giống		Loài	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1.	Clupeiformes	1	6	1	3	1	2
2.	Cypriniformes	2	12	22	55	24	51
3.	Characiformes	1	6	1	3	1	2
4.	Siluriformes	4	24	5	13	5	11
5.	Beloniformes	1	6	1	3	2	4
6.	Synbranchiformes	2	12	3	8	3	6
7.	Perciformes	6	35	7	18	11	23
	Tổng	17	100	40	100	47	100

Từ Bảng 2 cho thấy sự đa dạng thành phần loài cá các suối vùng Hương Sơn như sau:

Về bậc bộ: Trong 7 bộ và 17 họ thì đa dạng nhất là bộ Cá vược (Perciformes) với 6 họ chiếm 35%, tiếp đến là bộ Cá nheo (Siluriformes) với 4 họ chiếm 24%. Các bộ còn lại chỉ có từ 1 đến 2 họ chiếm tỉ lệ thấp.

Về bậc họ: Trong 17 họ và 40 giống, đa dạng nhất là bộ cá chép Cypriniformes có 22 giống chiếm 55%. Tiếp đến là bộ Cá vược Perciformes có 7 giống chiếm 18%, bộ Cá nheo siluriformes với 5 giống và bộ Mang liềm với 3 giống. Hai bộ còn lại chỉ có 1 giống. Xét riêng các họ thì đa dạng nhất là họ Cá chép với 21 giống, tiếp đến là các họ Cá nheo Siluridae, họ Cá chạch sông Mastacemiboidae với 2 giống. Các họ còn lại chỉ 1 giống.

Về bậc giống: Trong 40 giống và 47 loài, đa dạng nhất là các giống thuộc bộ Cypriniformes, tiếp đến là các giống thuộc bộ Cá vược, bộ Cá nheo.

Về *bậc loài*: Đa dạng nhất là thuộc giống cá quả *Channa* với 3 loài có mặt, tiếp đến là các giống các sặc, cá sóc (cá tép), cá chép, cá rô phi với 2 loài có mặt. Các giống còn lại chỉ có một loài.

So sánh thành phần loài cá với các thủy vực tương tự thì số lượng loài cá ghi nhận ở Hương Sơn đa dạng hơn với vùng hồ Quan Sơn, cũng thuộc Mỹ Đức (41 loài), nhưng lại ít hơn so với khu hệ cá vùng đất ngập nước Vân Long (54 loài), hồ Cẩm Sơn (50 loài). Số lượng các loài cá tại 3 suối cũng khác nhau và mang tính đặc trưng của từng suối. Đa dạng nhất về thành phần loài cá là suối Yên (46 loài), tiếp theo là suối Long Vân với (40 loài). Kém đa dạng nhất là suối Tuyết Sơn với 37 loài. Danh sách thành phần loài trong khu hệ cá vùng Hương Sơn được thể hiện trong Bảng 2. Các loài đặc trưng cho khu hệ cá Suối Yên là các loài Cá chèo đò (Cá trôi, Cá ma), Cá chuối hoa (Cá sộp), Cá quả (Cá lóc), Cá dầm đất, Cá chạch suối... Trong khi suối Tuyết Sơn lại đặc trưng chủ yếu là những loài cá đồng bằng quen thuộc, các loài cá nuôi kinh tế như Cá diếc, Cá rô đồng, Cá chép, Cá trắm cỏ, Cá rohu, Cá digan. Suối Long Vân ở mức trung bình và gần gũi với suối Yên hơn.

2. Sự phân bố

Do suối Long Vân và suối Yên thông với nhau và có nhiều các khe suối nhỏ dẫn nước từ trong núi chảy ra các ruộng và nương thoát nước của các cánh đồng ven các suối này nên các loài cá có mặt cả ở suối và trong các khe núi, các hang động và ao đầm, ruộng ven các suối. Tại suối Yên là nơi phân bố chủ yếu của các loài cá thuộc bộ Cá vược và bộ Cá chép. Suối Long Vân do diện tích bề mặt nhỏ và chiều dài ngắn nên số lượng loài cá phân bố ở đây ít hơn so với suối Yên. Các giống điển hình là *Acanthorhodeus*, *Rhodeus*, *Puntius*. Các loài này được người dân địa phương gọi chung là cá lẹp, cá đồng tiền và phân bố ở những sinh cảnh có nhiều rong đuôi chó, rong vại, rong đuôi chồn. Ở suối Tuyết Sơn các nhóm cá này phân bố ít hơn. Tại các nhánh của suối Yên bắt nguồn từ các thung còn gặp nhiều Cá dầm đất, Cá mai, Cá đồng đông. Đặc biệt tại suối Yên số lượng cá của các loài trong giống Cá chuối (*Channa*), Cá rô đồng (*Anabas*) và Lươn (*Monopterus*) có rất nhiều và chiếm số lượng lớn trong các mẻ đánh bắt của ngư dân.

Tại các đầm và ruộng lúa ven bờ suối chủ yếu là các loài cá kinh tế được người dân trong vùng nuôi như Cá trắm cỏ, trắm đen, Cá trôi digan, rohu, Cá chép, Cá chim trắng, Lươn... Chúng mang lại hiệu quả và nguồn thu nhập đáng kể cho người dân quanh khu vực khi mùa lễ hội Chùa Hương kết thúc.

3. Tình trạng và mật độ

Nhìn chung các loài cá có kích thước lớn và giá trị kinh tế cao như Cá chày, Cá ngao, Cá nheo, Cá trê, Cá bò gộp rất ít tại các suối. Chủ yếu những đối tượng này được các hộ gia đình nuôi tại các ao, đầm, ruộng ven các suối. Những loài có số lượng cao chủ yếu ở khu vực Hương Sơn là các loài Cá chuối, Rô đồng, Lươn. Đây là nguồn và chủ yếu trong các mẻ đánh bắt của ngư dân. Ngoài ra các loài có giá trị kinh tế thấp như Cá mương, Cá đồng đông, Cá thè be, Cá đuôi cò... có số lượng nhiều trong các mẻ lưới. Hầu hết các loài cá này được người dân sử dụng cho việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Một số loài có kích thước trung bình vẫn duy trì được mật độ tương đối cao là Cá diếc, Cá chép, Cá mai.

Điều đáng chú ý là khảo sát các suối hiện nay chúng tôi thấy ở cả 3 suối đều gặp rất nhiều cá thể loài Cá cọ bể *Hypostomus punctatus*, một loài mới được di nhập vào Việt Nam. Loài cá này ăn các mùn bã hữu cơ, rêu, tảo bám ở khu vực sống. Chúng không có giá trị làm thực phẩm, nhưng lại sinh sản và phát triển rất mạnh. Trong đợt khảo sát chúng tôi thấy các cá thể loài này

chết rất nhiều tại các suối, các bến đò, người dân vớt lên vớt bừa bãi quanh đường, gây mùi hôi thối rất khó chịu cho cả khu vực rộng.

Cũng trong đợt điều tra khảo sát, chúng tôi thấy, hiện nay ngư cụ khai thác chính của ngư dân ở đây là kích điện (ba kích). Chúng tôi ghi nhận có khoảng gần 20 chiếc thuyền đánh bắt như vậy. Các ngư dân này thường hoạt động từ 6-7h tối đến khoảng 4-5h sáng hôm sau. Bộ kích điện công suất lớn đã tiêu diệt hầu hết các loài cá, nếu như không có biện pháp ngăn chặn kịp thời thì nguồn lợi thủy sản ở đây sẽ sớm bị cạn kiệt và không còn cho khả năng khai thác nữa.

4. Loài quý hiếm có giá trị bảo tồn

Trong số 47 loài cá được ghi nhận ở các suối vùng Hương Sơn, có loài Cá chuối hoa (Cá sộp) *Channa maculata* là loài cá hiếm, nằm trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 ở mức EN. Loài này hiện nay số lượng suy giảm nghiêm trọng, còn rất ít, nguy cơ tuyệt chủng là rất cao. Cũng theo người dân, nguyên nhân loài cá này suy giảm số lượng nhanh chóng là do chúng chịu rét kém (không đào hang trú đông), thường mắc bệnh lở loét nên dễ bị chết hàng loạt. Mặt khác loài này di chuyển chậm, lẩn trốn kém nên dễ bị bắt, nhất là đối với dụng cụ kích điện (ba kích). Đặc biệt, loài Cá trôi (Cá trèo đồi, Cá ma) lần đầu tiên được ghi nhận có mặt ở các suối vùng Hương Sơn, Hà Nội. Theo Atlas các loài thủy sinh quý hiếm 2010, ghi nhận chỉ có ở khu vực Thái Nguyên, Ninh Bình, có số lượng rất ít. Quá trình thu mẫu chúng tôi đã thu được khá nhiều mẫu với kích thước từ cá con đến cá trưởng thành. Loài này thường đào hang, làm tổ trú đông và trốn tránh kẻ thù nên chúng thích nghi và phát triển tốt ở các suối này và đã trở thành đặc sản của địa phương. Nhưng hiện nay loài cá này đã bị săn lùng và đánh bắt quá mức nên nguy cơ tuyệt chủng là rất lớn. Cần sớm được nghiên cứu và có biện pháp bảo vệ 2 loài cá rất quý hiếm của vùng Hương Sơn, Hà Nội.

III. KẾT LUẬN

Tổng số loài cá đã gặp ở vùng Hương Sơn là 47 loài thuộc 40 giống, 17 họ và 7 bộ. trong đó là bộ Cá vược (Perciformes) có số họ nhiều nhất trong khi bộ Cá chép (Cypriniformes) lại có số lượng loài nhiều nhất.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra trong khu hệ có 14 loài kinh tế có giá trị làm thực phẩm, 3 loài có giá trị làm cảnh. Có loài cá chuối hoa *Channa maculata* nằm trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 ở mức EN, loài Cá trèo đồi (Cá trôi, Cá ma) *Channa asiatica* lần đầu tiên ghi nhận có mặt trong khu hệ cá của Hà Nội, có nguy cơ tuyệt chủng mới được đề xuất trong Quy định số 82/2008/QĐ-BNN ở mức EN. Cần sớm nghiên cứu đặc tính sinh trưởng phát triển để có biện pháp bảo vệ, khôi phục 2 loài cá quý hiếm của Hà Nội này. Trong ba suối chính này, suối Yên có số lượng thành phần loài cao nhất (46 loài), ít nhất là suối Tuyết Sơn (37 loài), còn lại suối Long Vân ở mức trung bình (40 loài). So với thành phần các loài cá ở các thủy vực tương tự thuộc một số địa phương khác, tính đa dạng thành phần loài cá ở vùng Hương Sơn ở mức trung bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH&CN, Viện KHCNVN, 2007: Sách Đỏ Việt Nam (Phần Động vật), NXB. KHTN&CN, Hà Nội.
2. Đặng Kim Nhung và nnk., 2007: *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*, tr. 52-58
3. Nguyễn Văn Hảo, 2001-2005: Cá nước ngọt Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 1-3.

4. **Nguyễn Xuân Huân**, 2001: *Tạp chí Sinh học*, 23(3a): 89-94.
5. **Kottelat M.**, 2001: Freshwater fishes of the Northern Vietnam, Environment and Social Development, Sector Unit East Asia and Pacific Region, The World Bank, p. 1-123.
6. **Rainboth W. J.**, 1996: Fishes of the Cambodian Mekong, FAO, Rome, 263 pp.
7. **Mai Đình Yên**, 1978: Định loại các loài cá các tỉnh miền Bắc Việt Nam, NXB. KH&KT, Hà Nội, 339 tr.

**STUDY OF ICHTHYOFAUNA OF SOME STREAMS
IN HUONG SON, MY DUC, HANOI**

NGUYEN DINH TAO

SUMMARY

Based on fish specimens collected in August 2010 from some streams in Huong Son, Hanoi, forty-seven species were identified in this area belonging to 17 families and 7 orders. On average, one order has 2.8 families and 6.8 species. There are 3 orders having just one family and 10 families having just one species. In fish fauna, Perciformes dominate with 7 families while Cypriniformes dominate in species taxon with 29 species. There are 14 species having economic value as food and 3 species can be used for aquarium purpose, especially, *Channa asiatica*, which is identified in Vietnam Red Book 2007 as threatened with EN category. Comparing with similar water bodies in other localities, the composition of fish in Huong Son is ranked in the medium level. This is the first data on ichthyofauna of some streams in Huong Son, Ha Noi.